

Bản án số: 11/2020/DSST  
Ngày 10/9/2020  
V/v: Tranh chấp  
Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hưởng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trò;  
2. Bà Phan Thị Ánh Duyên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020; về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu 03, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 04, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 03, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, nhưng đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, tại bản tự khai, quá Trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:*

Do có quan hệ quen biết, trong thời gian năm 2018, chị có cho anh Hoàng Văn P vay tiền ba lần cụ thể như sau:

Ngày 12/6/2018, chị cho anh P vay số tiền 30.000.000đồng, thỏa thuận đến ngày 22/7/2018 anh P phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị.

Ngày 30/6/2018, chị cho anh P vay số tiền 30.000.000đồng, thỏa thuận đến sau 40 ngày thì anh P phải trả tiền cho chị.

Ngày 24/7/2018, chị tiếp tục cho anh P vay số tiền 30.000.000đồng, thỏa thuận đến ngày 30/7/2018, anh P có nghĩa vụ trả tiền cho chị.

Tuy nhiên, sau khi vay tiền, anh P không trả tiền đúng như các giấy vay tiền đã cam kết; tính đến hết tháng 10/2018, anh P mới trả được cho chị số tiền là 43.000.000đồng; còn nợ lại số tiền 47.000.000đồng

Nay chị khởi kiện yêu cầu anh P phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc đã quá hạn và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 11/2018 đến hết tháng 8/2020 là 22 tháng, lãi suất 0,833%/tháng x 22 tháng x 47.000.000 đồng = 8.610.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 55.610.000đồng.

*Tại bản tự khai ngày 17/01/2020, quá Trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn P có quan điểm trình bày:*

Anh đều thừa nhận anh có vay tiền ba lần của chị T như chị đã trình bày, mỗi lần vay 30.000.000đồng, tổng cộng là 90.000.000đồng, các lần vay đều lập văn bản, tổng số tiền anh vay 90.000.000đồng; tuy nhiên lần vay thứ nhất anh chị T có giữ của anh một chiếc xe, sau đó anh gọi người đến bán chiếc xe đó được 20.000.000 đồng rồi trả số tiền này cho chị T; sau đó anh còn trả 10.000.000đồng cho chị T qua tài khoản của anh T là chồng chị T để trả cho chị T; tổng cộng anh đã trả đủ 30.000.000đồng.

Hai lần vay sau anh vay chị T, mỗi lần vay 30.000.000đồng, tổng cộng là 60.000.000đồng như chị T đã trình bày và thỏa thuận phương thức trả góp số tiền 750.000đồng/1 ngày kể từ thời điểm vay; anh đã trả hết số tiền này, nhưng vì anh tin chị T nên không nhận lại giấy vay tiền khi đã trả nợ xong. Anh Hoàng Văn P còn cung cấp chứng cứ là biên bản làm việc ngày 12/12/2019 giữa anh, chị T và anh T tại Ủy ban nhân dân xã Y để chứng minh số tiền anh đã trả tiền cho chị T.

Nay anh khẳng định, anh không còn nợ tiền chị T nên anh không đồng ý trả nợ theo đề nghị của chị T.

*Tại bản tự khai ngày 26/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Thanh T trình bày:*

Việc chị T cho anh P vay tiền như thế nào anh không biết, nhưng anh thừa nhận có lần anh P đã trả vào tài khoản của anh số tiền 10.000.000đồng để trả cho chị T, số tiền này anh đã trả cho chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.*

*[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng T đề nghị anh Hoàng Văn P phải trả số tiền nợ gốc 47.000.000đồng và tiền lãi suất thấy rằng:*

*1.1. Xét yêu cầu của chị T đề nghị anh P phải trả số tiền còn nợ gốc là 47.000.000đồng thấy rằng:*

Tại bản tự khai ngày 09/01/2020 cũng như tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2020, chị T thừa nhận anh P đã trả trực tiếp cho chị số tiền 43.000.000đồng, trong đó có số tiền 20.000.000đồng anh P bán chiếc xe chị cầm cố khi anh P vay tiền cho anh Nguyễn Ngọc T cùng địa phương được 20.000.000đồng, sau đó anh P trả cho chị; ngoài ra chị còn nhớ anh P trả tiền nhiều lần, cho chị được tổng cộng là 43.000.000đồng; chị không thừa nhận việc anh P đã trả số tiền 10.000.000đồng cho chị thông qua chuyển khoản cho anh T (là chồng của chị) để anh T rút tiền đưa cho chị (Bút lục số 35). Như vậy, tại thời điểm khởi kiện, chị T đã xác định anh P đã trực tiếp trả cho chị số tiền 43.000.000đồng. Trong khi đó, anh T lại thừa nhận anh P trả cho chị 10.000.000đồng qua tài khoản của anh, anh đã rút tiền này đưa cho chị T.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 18/6/2020, chị T lại cho rằng anh P đã trả cho chị 10.000.000đồng qua việc anh P trả vào tài khoản của anh Đỗ Thanh T, sau đó anh T rút tiền trả cho chị. Như vậy, lời Trình bày của chị T là không thống nhất.

Anh Hoàng Văn P còn cung cấp chứng cứ là biên bản làm việc ngày 12/12/2019 giữa anh, chị T và anh T tại Ủy ban nhân dân xã Y để chứng minh số tiền anh đã trả tiền cho chị T. Tuy nhiên, nội dung biên bản chỉ xác định số tiền anh vay riêng của anh T, không liên quan đến số tiền anh vay của chị T; trong khi không được chị T thừa nhận, nên không thể có căn cứ để chứng minh anh đã trả tiền cho chị T được.

*Căn cứ vào lời Trình bày của chị Nguyễn Hồng T, anh Hoàng Văn P trong quá Trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa và lời trình bày của anh Đỗ Thanh T thấy rằng:*

Chị T có ba lần cho anh P vay tiền, mỗi lần 30.000.000đồng, tổng cộng là 90.000.000đồng, mỗi lần anh P vay đều viết giấy nhận vay tiền; sau đó anh P đã trực tiếp trả cho chị T số tiền 43.000.000đồng được chị T thừa nhận tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 04/3/2020 và anh P đã trả cho chị T thông qua chuyển vào tài khoản của anh T số tiền 10.000.000đồng; số tiền này anh T rút và đã trả cho chị T được chị T thừa nhận.

Do đó, phải xác định tổng cộng anh P đã trả cho chị T số tiền là 53.000.000đồng; không phải 43.000.000đồng như chị T đã trình bày. Nên anh P chỉ còn nợ chị T số tiền gốc là 37.000.000đồng.

Anh P cho rằng anh đã trả hết nợ cho chị T nhưng không có căn cứ để chứng minh, nên không thể chấp nhận lời trình bày của anh P được.

1.2. *Xét yêu cầu của chị T đề nghị anh P phải trả lãi suất của số tiền gốc còn nợ thấy rằng:*

Cả ba giấy vay tiền anh P thừa nhận đã viết vay tiền của chị T, thời điểm vay của 02 giấy là tháng 6/2018; 01 giấy vay tháng 7/2018; thỏa thuận giấy vay nợ có thời hạn cuối cùng anh P phải có trách nhiệm trả hết tiền nợ gốc cho chị T là ngày 10/8/2018; trong khi cả ba giấy vay tiền đều không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên đến hạn anh P đã chưa trả được nợ gốc 37.000.000đồng như giấy cam kết.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Trong khi mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự không được vượt quá 20%/năm.

Tuy nhiên, chị T chỉ yêu cầu anh P phải trả lãi tính từ tháng 11/2018, thời điểm yêu cầu tính lãi là có lợi cho anh P. Nên lãi suất tính để buộc anh P phải trả cho chị T = 10%/1 năm (tương đương 0,833%/tháng).

Trong khi đó, anh P còn nợ chị T số tiền gốc là 37.000.000đồng. Vì vậy, phải tính lãi từ thời điểm chị T đề nghị từ 01/11/2018 đến hết tháng 8/2020 là 22 tháng. Cách tính lãi cụ thể như sau: 37.000.000đồng x 0,833% x 22 tháng = 6.780.000đ (Sáu bảy trăm tám mươi đồng).

Như vậy, tổng cả gốc và lãi, anh P phải trả cho chị T tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày ngày 31/8/2020 (22 tháng) là: 37.000.000đồng + 6.780.000đồng = 43.780.000đồng.

Trong khi đó, chị T đề nghị tổng số tiền cả gốc và lãi là 55.610.000đồng. Do đó, yêu cầu của chị T không được chấp nhận là 55.610.000đồng - 43.780.000 đồng = 11.830.000đồng.

[2]. Về án phí: Anh P phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận.

Chị T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

*Xử:*

Buộc anh Hoàng Văn P phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hồng T tiền nợ gốc là 37.000.000đồng; số tiền lãi là 6.780.000đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 43.780.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Bác yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh P số tiền là 11.830.000đ (Mười một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh P phải nộp số tiền 2.189.000đ (Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T phải nộp số tiền 591.500 đ (năm trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 1.175.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn); chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 583.500đ (Năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng chẵn), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003502, ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hán Hưởng**